

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/DS-ST.

Ngày: 15-10-2021

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông K’Đào và ông Bùi Ngọc Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Đông - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà My La - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vợ chồng bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989 và ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1983. Địa chỉ: thôn L, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quang T: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989. Địa chỉ: thôn L, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Hợp đồng ủy quyền ngày 23-11-2020, được chứng thực tại Văn phòng Công chứng Phan Văn Minh H. Ông T vắng mặt, bà T có mặt.

Bị đơn:

1. Bà Phạm Thị Tuyết N, sinh năm 1966. Địa chỉ: thôn Đ, xã G, huyện D, Lâm Đồng. Vắng mặt.

2. Vợ chồng ông Khuất Vũ Duy H, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1987. Địa chỉ: thôn Đ, xã G, huyện D, Lâm Đồng. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 8 năm 2020, các tài liệu chứng cứ và quá trình tố tụng nguyên đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Quang T đều trình bày:

Ngày 01-02-2019 vợ chồng bà có cho bà Phạm Thị Tuyết N và vợ chồng bà Nguyễn Thị Mai T, ông Khuất Vũ Duy H vay số tiền 130.000.000 đồng, khi vay thỏa thuận mức lãi suất 2%, thời hạn trả cuối năm 2019, việc vay tiền có làm Hợp đồng vay tiền và bà Phạm Thị Tuyết N có ký, đóng dấu tên của bà N và Công ty trách nhiệm hữu hạn H; Bà Nguyễn Thị Mai T có ký tên và ghi họ tên “Nguyễn Thị Mai T” dưới mục “BÊN B (Bên đi vay)” xác nhận vay tiền. Đến hạn bà N và vợ chồng bà T, ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nay yêu cầu bà Phạm Thị Tuyết N, vợ chồng ông Khuất Vũ Duy H, bà Nguyễn Thị Mai T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà số tiền vay gốc 130.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 01-02-2019 đến ngày 15-10-2021 là 32 tháng (*chỉ tính tròn 32 tháng*), theo mức lãi suất 1,67%/tháng, thành tiền 69.742.000 đồng, tổng cộng 199.472.000 đồng theo phần, bà N trả 99.736.000 đồng, vợ chồng ông H, bà T trả 99.736.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh: Hợp đồng vay tiền ngày 01-02-2019.

Tại phiên tòa bà Phạm Thị Tuyết N, vợ chồng ông Khuất Vũ Duy H, bà Nguyễn Thị Mai T đều vắng mặt không rõ lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi và niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà N, ông H và bà T đều vắng mặt, nên Tòa án không lấy được lời khai của bà N, ông H và bà T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng bà T, ông T. Buộc bị đơn bà N, ông H và bà T cùng có nghĩa vụ liên đới trả lại cho vợ chồng bà T, ông T số tiền vay 199.472.000 đồng theo phần, bà N trả 99.736.000 đồng, vợ chồng ông H, bà T trả 99.736.000 đồng. Buộc bà N, ông H và bà T cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vợ chồng bà T, ông T có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự với bà N, vợ chồng ông H, bà T. Bà N, vợ chồng ông H, bà T hiện đang cư trú tại huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Tại phiên tòa bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Di Linh và Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N, ông H và bà T.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định ngày 01-02-2019 vợ chồng bà có cho bà Phạm Thị Tuyết N và vợ chồng bà Nguyễn Thị Mai T, ông Khuất Vũ Duy H có vay của vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Quang T số tiền 130.000.000 đồng, khi vay thỏa thuận mức lãi suất 2%, thời hạn trả cuối năm 2019, việc vay tiền có làm Hợp đồng vay tiền và bà Phạm Thị Tuyết N có ký, đóng dấu tên của bà N và Công ty trách nhiệm hữu hạn H; Bà Nguyễn Thị Mai T có ký tên và ghi họ tên “Nguyễn Thị Mai T” dưới mục “BÊN B (Bên đi vay)” xác nhận vay tiền. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân

sự xác định giữa vợ chồng bà T, ông T và bà N, ông H, bà T là tranh chấp về Hợp đồng về hợp đồng dân sự vay tài sản.

[3] Về nội dung tranh chấp: Ngày 01-02-2019 vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Quang T và bà Phạm Thị Tuyết N, vợ chồng bà Nguyễn Thị Mai T, ông Khuất Vũ Duy H có làm Hợp đồng vay tiền và bà Phạm Thị Tuyết N có ký, đóng dấu tên của bà N và đóng dấu Công ty trách nhiệm hữu hạn H và bà Nguyễn Thị Mai T có ký tên và ghi họ tên “Nguyễn Thị Mai T” dưới mục “BÊN B (*Bên đi vay*)” xác nhận vay tiền của vợ chồng bà T, ông T số tiền 130.000.000 đồng, khi vay thỏa thuận mức lãi suất 2%, thời hạn trả cuối năm 2019, đến hạn bà N và vợ chồng bà T, ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nay vợ chồng bà T, ông T yêu cầu bà Phạm Thị Tuyết N, vợ chồng ông Khuất Vũ Duy H, bà Nguyễn Thị Mai T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà T, ông T số tiền vay gốc 130.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 01-02-2019 đến ngày 15-10-2021 là 32 tháng (*chỉ tính tròn 32 tháng*), theo mức lãi suất 1,67%/tháng, thành tiền 69.742.000 đồng, tổng cộng 199.472.000 đồng theo phần, bà N trả 99.736.000 đồng, vợ chồng ông H, bà T trả 99.736.000 đồng là có cơ sở cần chấp nhận.

Về tiền lãi: Giao dịch dân sự vay tài sản được thực hiện ngày 01-02-2019, hai bên thỏa thuận 2%/tháng, tuy nhiên tại phiên tòa bà T, ông T yêu cầu mức lãi suất 1,67%/tháng phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cần chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà N và vợ chồng ông H, bà T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, điều này cho thấy bị đơn tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh tại khoản 4 của Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà T và ông H có quan hệ hôn nhân hợp pháp, theo Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện, nên buộc vợ chồng bà T và ông H cùng chịu trách nhiệm liên đới trả tiền vay còn nợ cho vợ chồng bà T, ông T.

Vợ chồng bà T, ông T xác định giữa bà T và vợ chồng ông H, bà T có quan hệ là bạn bè, số tiền vay là do vợ chồng bà T tiết kiệm cho vay, giữa vợ chồng bà T, ông T và bà N, vợ chồng ông H, bà T, Công ty TNHH H không có bất cứ giao dịch dân sự nào khác. Số tiền 130.000.000 đồng vợ chồng bà T, ông T cho bà N và vợ chồng ông H, bà T vay, không cho Công ty TNHH H vay số tiền trên, việc đóng dấu Công ty bên đi vay chỉ để làm tin.

Từ những phân tích nêu trên xác định vợ chồng bà T, ông T khởi kiện bà N, bà T và ông H đã vi phạm nghĩa vụ, có lỗi chậm thanh toán, áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2005 buộc bà N, ông H và bà T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà T, ông T số tiền vay 199.472.000 đồng theo phần, bà N trả 99.736.000 đồng, vợ chồng ông H, bà T trả 99.736.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn bà N và vợ chồng bà T, ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 và Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 144; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Quang T. Buộc Phạm Thị Tuyết N và vợ chồng ông Khuất Vũ Duy H, bà Nguyễn Thị Mai T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Quang T số tiền vay 199.472.000 đồng (*Một trăm chín mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng*), trong đó tiền vay gốc 130.000.000 đồng, tiền lãi 69.742.000 đồng theo phần, bà Phạm Thị Tuyết N trả 99.736.000 đồng, vợ chồng ông Khuất Vũ Duy H, bà Nguyễn Thị Mai T trả 99.736.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Buộc bà Phạm Thị Tuyết N và vợ chồng ông Khuất Vũ Duy H, bà Nguyễn Thị Mai T cùng phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 9.973.000 đồng, theo phần bà Phạm Thị Tuyết N nộp 4.986.000 đồng, vợ chồng ông Khuất Vũ Duy H, bà Nguyễn Thị Mai T nộp 4.986.000 đồng.

Hoàn trả vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Quang T số tiền tạm ứng án phí 4.210.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm mười nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0001839 ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Ông T, bà N, bà T và ông H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Di Linh;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục thi hành án huyện Di Linh;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký tên và đóng dấu)

Huỳnh Thị Mỹ Lệ